

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 690/2018/HNST ngày 03 tháng 10 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Bùi Mạnh T, sinh năm 1982

Địa chỉ: xã A, huyện Kiến Thụy, Thành phố Hải Phòng

Địa chỉ tạm trú: EA4-7-4 Chung cư B, tổ 20, khu phố C, phường D, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trịnh Vũ Hoàng Oanh, sinh năm 1983

Địa chỉ: 108 Nguyễn Hữu Thọ, phường E, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ vợ chồng giữa ông Bùi Mạnh T và bà Trịnh Vũ Hoàng O được xác lập vào năm 2006, có đăng ký kết hôn quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp do đó khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo quy định của Bộ Luật tố tụng Dân sự.

Trong quá trình chung sống giữa ông Bùi Mạnh T và bà Trịnh Vũ Hoàng O có phát sinh mâu thuẫn, đồng thời cả hai đều nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên tự nguyện thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là

phát sinh việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét thấy tình cảm giữa ông Bùi Mạnh T và bà Trịnh Vũ Hoàng O đã thật sự không còn, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của ông Tùng và bà O là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, xét thấy nên chấp nhận.

[3] Trong quá trình chung sống ông Bùi Mạnh T và bà Trịnh Vũ Hoàng O thống nhất xác nhận có 01 con chung: Họ và tên: Bùi Mạnh H sinh ngày 22/02/2008.

Sau khi ly hôn, ông Bùi Mạnh T và bà Trịnh Vũ Hoàng O thỏa thuận giao con chung là trẻ Bùi Mạnh H sinh ngày 22/02/2008 cho Trịnh Vũ Hoàng O trực tiếp nuôi dưỡng, ông Bùi Mạnh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Việc thỏa thuận nuôi con giữa ông T và bà O là tự nguyện và phù hợp Luật Hôn nhân và Gia đình, xét thấy nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Ông Bùi Mạnh T và bà Trịnh Vũ Hoàng O thỏa thuận tự giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc thỏa thuận về tài sản chung giữa ông T và bà O là tự nguyện phù hợp Luật Hôn nhân và Gia đình, xét thấy nên chấp nhận

[5] Về nợ chung: Ông Bùi Mạnh T và bà Trịnh Vũ Hoàng O xác nhận không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về lệ phí việc dân sự: Ông Bùi Mạnh T và bà Trịnh Vũ Hoàng O tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về quan hệ vợ chồng: Ông Bùi Mạnh T và bà Trịnh Vũ Hoàng O thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện Kiến Thụy, Thành phố Hải Phòng cấp ngày 18/4/2006).

- Về quan hệ con chung: Ông Bùi Mạnh T và bà Trịnh Vũ Hoàng O có 01 con chung: Họ tên là Bùi Mạnh H sinh ngày 22/02/2008.

Sau khi ly hôn giao con chung là trẻ Bùi Mạnh H cho bà Trịnh Vũ Hoàng O trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông Bùi Mạnh T cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/1 tháng.

Thi hành vào ngày 15 hàng tháng. Bắt đầu thi hành vào ngày 15/12/2018 cho đến khi phát sinh các căn cứ khác làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014

Ông Bùi Mạnh T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp ông Bùi Mạnh T chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành.

- Về quan hệ tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Các đương sự xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (ba trăm ngàn), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai theo biên lai thu số AA/2017/0026141 ngày 03/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (TK.Duyên).

THẨM PHÁN

Đinh Hữu Đức